

Bản án số: 78/2018/DS-PT

Ngày: 10-9-2018

Về việc “Tr/ch hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Quang
Ông Trịnh Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Hạnh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Bà Bùi Thị Doan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 06 và 10-9-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2017/TLPT-DS ngày 09-01-2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2016/DSST ngày 16-11-2016 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo, kháng nghị; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2017/QĐPT-DS ngày 10-3-2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2017/QĐPT-DS ngày 05-4-2017; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 19/2017/QĐPT-DS ngày 27-4-2017, Thông báo mở lại phiên tòa số 59/2018/TB-TA ngày 12-6-2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2018/QĐ-PT ngày 28-6-2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2018/QĐ-PT ngày 27-7-2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2018/QĐ-PT ngày 22-8-2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Đường B, phường S1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (*vắng mặt*).

Đại diện hợp pháp của ông S: Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1962, là đại diện theo ủy quyền của ông S theo giấy ủy quyền ngày 03-7-2018; Địa chỉ: Đường S2, phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (*có mặt*).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khu tái định cư B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (*có mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V: Ông Nguyễn Chí D - Luật sư Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (*có mặt*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Đường T, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (*vắng mặt*).

3.2. Bà Lưu Thị Ngọc B, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khu tái định cư B, phường Thắng Nhì, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (*vắng mặt*).

4. Người kháng cáo: Bị đơn là ông Nguyễn Thành V.

5. Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29-5-2011 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn S, thông qua người đại diện trình bày:

Ngày 30-6-2009 ông Nguyễn Văn S có cho ông Nguyễn Thành V vay số tiền 18.500.000.000đ trong thời hạn 90 ngày, hai bên ký hợp đồng vay tiền có công chứng. Đến hạn ông V không trả được nên khất nợ đến ngày 30-4-2010 nhưng vẫn không trả nợ cho ông S. Hợp đồng vay không có lãi.

Từ ngày cho vay đến nay, ông V chưa thanh toán toàn bộ số tiền vay cho ông S, mặc dù ông S đã nhiều lần yêu cầu.

Nay, ông S yêu cầu ông V thanh toán số tiền nợ gốc là 18.500.000.000đ và tiền lãi từ ngày 30-6-2009 đến ngày 30-9-2009 theo mức lãi suất nợ trong hạn, từ ngày 01-10-2009 đến ngày xét xử theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Bị đơn là ông Nguyễn Thành V gửi đến Tòa án đơn kiến nghị ngày 29-11-2012, nội dung như sau: Ông Nguyễn Văn S lừa ông Nguyễn Thành V ký không vay số tiền 18.500.000.000đ, thực sự ông S không đưa ông V vay 18.500.000.000đ, ông S ngụy tạo, giả mạo hồ sơ. Do vậy, không đồng ý trả số tiền trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- **Bà Phạm Thị T:** Bà T là vợ của ông S, quá trình ông S ký kết hợp đồng cho ông V vay 18.500.000.000đ như thế nào bà T không biết, nay bà yêu cầu Tòa giải quyết vắng mặt bà, bà không ý kiến gì cả.

- **Bà Lưu Thị Ngọc B:** Bà B là vợ ông V. Bà khẳng định chồng bà là ông V không nhận được số tiền 18.500.000.000đ của ông S.

Bản án dân sự số 53/2016/DSST ngày 16-11-2016 của Tòa án nhân dân thành phố V đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Văn S đối với ông Nguyễn Thành V. Buộc ông Nguyễn Thành V trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền 18.500.000.000đ nợ gốc và tiền lãi trong hạn, quá hạn là 18.210.937.500đ. Tổng cộng là 36.710.937.500đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29-11-2016 bị đơn là ông Nguyễn Thành V có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự số 53/2016/DSST ngày 16-11-2016 của Tòa án nhân dân thành phố V với lý do Tòa cấp sơ thẩm chưa xem xét các chứng cứ để chứng minh ông S có đưa số tiền 18.500.000.000đ cho ông V, chưa làm rõ nguồn tiền được lấy từ đâu. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ Bản án nêu trên.

Ngày 15-12-2016, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kháng nghị một phần bản án dân sự nêu trên với lý do buộc ông V chịu lãi chậm trả là không đúng quy định pháp luật vì theo Khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự thì ông V không phải trả lãi và phần án phí tính không phù hợp với số tiền phải trả. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giữ nguyên nội dung kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có ý kiến: Trong lời khai của ông V và ông S có nhiều điểm mâu thuẫn nhau và đều chưa được làm rõ. Nguồn gốc khoản tiền 18.500.000.000đ ông S cho ông V vay, theo ông S và người đại diện của ông S thì do ông S kinh doanh bất động sản mà có nhưng hồ sơ vụ án chưa có các tài liệu chứng minh. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa yêu cầu ông S cung cấp các tài liệu liên quan để làm rõ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét thấy tại hợp đồng vay tiền ký ngày 30-6-2009 giữa ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Thành V đã thể hiện ông S cho ông V vay 18.500.000.000đ, thời hạn vay là 90 ngày. Hợp đồng trên đã được Phòng công chứng số 3 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chứng thực cùng ngày 30-6-2009, trên hợp đồng ông V tự viết tay xác nhận đã nhận đủ tiền và ký tên, đồng thời tại giấy khất nợ ông Nguyễn Thành V vẫn xác nhận ngày 30-6-2009 có vay của ông S 18.500.000.000đ và hẹn đến ngày 30-4-2010 sẽ trả (BL 4, 5, 205).

[2] Ông V không chối bỏ chữ ký, chữ viết của ông trên hợp đồng vay tiền ngày 30-6-2009 và giấy khất nợ nêu trên, nhưng ông cho rằng bị ông S dụ dỗ ký nhận tiền trước để ngày hôm sau ông S sẽ chuyển khoản; Sau đó ông V nhắc ông S chuyển tiền thì ông S nói do có trục trặc nên chưa chuyển; Khi hết hạn của hợp đồng vay tiền ngày 30-6-2009, ông S lại đến gặp ông V thông báo lần này chắc chắn có tiền nhưng hợp đồng vay cũ đã hết hạn nên ông V phải ký nhận và khất nợ đến 30-4-2010 để ông S chuyển khoản. Vì vậy mà ông V ký dù chưa nhận tiền.

[3] Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông V yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ là các bản lời khai của ông S tại cơ quan Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong vụ án ông S tố cáo ông V chiếm đoạt tiền 68,5 tỷ đồng của ông S (trong đó có 50 tỷ đồng ông S mua cổ phần của ông V tại Công ty Q và 18,5 tỷ đồng ông S cho ông V vay), vì tại cơ quan điều tra lúc đó ông S có thừa nhận không đưa 18,5 tỷ đồng cho ông V vay; Ông V cũng yêu cầu Tòa án làm việc với người làm chứng là ông Vũ Đình L2, nguyên Điều tra viên trực tiếp điều tra vụ việc ông S tố cáo ông V nêu trên. Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập chứng cứ theo yêu cầu của ông V. Hồ sơ vụ án hình sự ông V nêu đã được Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chuyển toàn bộ cho Bộ Công an; Ngày 01-6-2018, Bộ Công an đã chuyển cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu các bản

chụp lời khai của ông S trong vụ án hình sự có liên quan đến số tiền tranh chấp, nhưng không có nội dung nào ông S thừa nhận là không cho ông V vay 18,5 tỷ đồng. Ông L2 thì có bản ý kiến gửi Tòa án với nội dung thời điểm ông đang công tác thì cơ quan cảnh sát điều tra có kết luận không đủ cơ sở cho rằng ông V có nhận tiền của ông S vì ông S không chứng minh được nguồn gốc và quy trình giao tiền cho ông V, không có dấu hiệu hình sự, các bên có quyền chuyển sang khởi kiện vụ án dân sự (BL 252-282, BL 284, 286).

[4] Mặc dù có chứng cứ là hợp đồng vay tiền ký ngày 30-6-2009 có chữ của ông V tự viết xác nhận đã nhận đủ tiền và có giấy ông V khất nợ ông S đến ngày 30-4-2010 sẽ trả, nhưng ông V một mực cho rằng chưa nhận được số tiền 18.500.000.000đ từ ông S, do tin lời ông S mà ký các giấy tờ trên, ông V yêu cầu ông S chứng minh việc giao tiền cho ông V. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S chứng minh việc đã giao tiền cho ông V bằng các lời khai như sau:

Nguồn tiền và tổng số tiền mặt 18.500.000.000đ ông S cho ông V vay là do ông S buôn bán bất động sản mà có, đều có mệnh giá 500.000đ, được cột thành từng cọc 100 tờ, tổng cộng là 370 cọc, được để (cất) ở dưới gầm giường trong phòng ngủ; Khi mang tiền đến cho ông V thì ông S bỏ tiền vào 02 bao bô loại có bọc nilon bên trong, kích cỡ của bao bô dài 50cm, rộng 25cm, cao 01m, mỗi bao ông đựng tiền khoảng hơn nửa bao (sau đó ông khai một bao đựng 10.000.000.000đ, một bao đựng 8.500.000.000đ); Sau đó ông gọi vận chuyển tiền bằng xe taxi, một mình ông S vác mỗi lần một bao tiền ra xe taxi và để ở ghế sau; Khoảng cách từ giường của ông S ra đến xe taxi khoảng 40m; Taxi chở ông S và 2 bao tiền đến Phòng công chứng, đến nơi ông S vẫn để 2 bao tiền trên Taxi (theo ông S thì tài xế Taxi không biết là hai bao tiền) và dặn tài xế chờ bên ngoài để ông S đi vào Phòng công chứng ký hợp đồng vay tiền với ông V, thời gian khoảng 30 phút; Sau đó ông S lại ra Taxi đi về nhà ông V và giao tiền cho ông V; Khi đến nhà ông V cũng chỉ một mình ông S lần lượt vác 2 lần, mỗi lần một bao tiền lên phòng ông V; Ông S để tiền trong xe Taxi không sợ mất là vì hãng Taxi có uy tín và ông có số điện thoại, có card của tài xế. Những chi tiết nêu trên nếu cần thiết có thể được phối hợp với các cơ quan chức năng để thực nghiệm thực tế cũng như xác minh hãng taxi, tài xế taxi mà ông S khai, nhằm củng cố thêm cho việc đánh giá chứng cứ.

[5] Về nguồn gốc số tiền ông S có để cho ông V vay thì ông S khai do ông kinh doanh bất động sản mà có và khoản tiền này đã để ở đầu giường nhà ông từ khoảng 8 tháng trước đó. Tuy nhiên cụ thể ông giao dịch kinh doanh bất động sản với ai, tiền ra vào như thế nào thì ông chưa trình bày, chưa được làm rõ.

[6] Ngoài ra, tại cơ quan điều tra có lúc ông V khai 18.500.000.000đ này là tiền ông V sẽ trả cho ông S nếu ông S lo cho ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với dự án của ông V, nhưng ký dưới dạng ông S cho ông V vay tiền (BL 261). Do vậy cũng cần làm rõ xem có việc này hay không, là dự án nào, ông S có thực hiện hay không, công việc hai bên thỏa thuận có bị cấm hay không, để xác định tính có hiệu lực của việc hứa thưởng. Nếu là hứa thưởng thì đường lối giải quyết vụ án sẽ khác với vay nợ.

[7] Trong vụ án này thì ngoài các chứng cứ là hợp đồng vay tiền, giấy khất nợ của ông V ra thì do đây là khoản tiền có giá trị cao mà người vay không thừa nhận

nên vẫn cần làm rõ các chi tiết của những vấn đề ông S, ông V trình bày nêu trên, để có căn cứ vững chắc cho quyết định của Hội đồng xét xử.

[8] Tuy nhiên khi vụ án giải quyết ở Tòa án cấp sơ thẩm thì ông V không đến Tòa án làm việc để đưa ra giải trình cũng như yêu cầu của mình nên Tòa án cấp sơ thẩm không thể điều tra rõ và tại phiên tòa phúc thẩm cũng chưa thể làm rõ được những vấn đề trên. Vì thế, Hội đồng xét xử quyết định hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

[9] Bản án sơ thẩm còn có sai sót ở việc tính lãi như kháng nghị của Viện kiểm sát đã nêu. Nếu xác định được đây là quan hệ vay tiền thì hợp đồng vay tiền trên được thiết lập trong thời điểm Bộ luật dân sự 2005 đang có hiệu lực, được điều chỉnh riêng từ Điều 471 đến Điều 478, không áp dụng điều luật chung về nghĩa vụ chậm trả tiền ở Khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự 2005. Quy định về hợp đồng vay tài sản ở Bộ luật dân sự 2005 và 2015 có nội dung khác nhau, nên lưu ý việc tính lãi quá hạn hay không phải theo đúng quy định của Khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

[10] Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành V; Chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2016/DSST ngày 16-11-2016 của Tòa án nhân dân thành phố V.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố V giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành V không phải nộp, được trả lại tiền tạm ứng án phí 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*), theo biên lai thu số 0001798 ngày 30-11-2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (10-9-2018).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND thành phố V;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đào Thị Huệ